TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2019/HS-ST
Ngày: 16- 4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Đức Bản

Bà Nguyễn Thị Vòng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/TLST- HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019; theo Quyết định hoãn phiên tòa lần 2 số: 04/2019/HSST-QĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Phan Đình C; sinh ngày 26 tháng 6 năm 1976 tại: Nghệ An. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Xóm 4, xã BT, huyện YT, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Kinh Doanh; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Thành C (Đã chết), con bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1955; Nghề nghiệp: Làm ruộng; gia đình có 04 anh em, C là con đầu trong gia đình; có vợ: Vũ Thị T, sinh năm 1975; nghề nghiệp: Làm ruộng; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2009. Nhân thân: Sinh ra và lớn lên được gia đình nuôi dưỡng ăn học đến lớp 7/12 thì nghỉ học và sinh sống tại địa phương. Năm 2001 đi xuất khẩu lao động sang nước Cộng hòa Liên bang Nga, về nước vào năm 2008. Tháng 11/2015 thành lập Công ty TNHH MTV C và giữ

chức danh Giám đốc công ty. Ngày 24/9/2018 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YT, tỉnh Nghệ An khởi tố vụ án, khởi tố bị can về "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", sau đó chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An điều tra theo thẩm quyền. Tiền án, tiền sự: Không. Bị can hiện bị tạm giam theo một vụ án khác tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An.

* Bị hại:

1. Anh Hoàng Ngọc L, sinh ngày: 06/10/1969; địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn ĐL, huyện TH, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày: 08/9/1969; địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn Đ L, huyện T H, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3. Anh Nguyễn Thanh C, sinh ngày: 20/12/1965; địa chỉ: Tổ dân phố PQ, thị trấn Nông trường VT, huyện BT, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

4. Anh Hồ Hữu N, sinh ngày: 10/5/1979; địa chỉ: Tiểu khu 5, thị trấn QH, huyện QN, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

5. Anh Hoàng Ngọc T, sinh ngày: 20/12/1951; địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn ĐL, huyện TH, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

6. Anh Lưu Đức T, sinh ngày: 13/12/1965; địa chỉ: Thôn QT, xã TT, huyện BT, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Thế H, sinh ngày: 20/11/1989; địa chỉ: Thôn 4, xã LN, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Đình Chính là Giám đốc Công ty TNHH MTV CVB có trụ sở tại xóm 4, xã BT, huyện YT, tỉnh Nghệ An. Công ty TNHH MTV CVB có ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An: Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới việc làm; đại lý du lịch; điều hành tua du lịch; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; cung ứng lao động tạm thời; cung ứng và quản lý nguồn lao động (cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài). Ngày 01/12/2016 Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện công ty tại thôn 4, xã LN, thành phố H, tỉnh Quảng Bình do Nguyễn Thế H làm trưởng văn phòng đại diện.

Mặc dù Công ty TNHH MTV CVB không được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người đi làm việc ở nước ngoài và Công ty cũng không có văn bản, hợp đồng liên kết với đơn vị nào khác có khả năng đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài. Trong thời gian chưa được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện công ty tại tỉnh Quảng Bình, Phan Đình C đã gặp nhiều người, đưa ra thông tin gian dối, cam kết Công ty của Chính có thể đưa người đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài để lừa đảo chiếm đoạt tiền đặt cọc của 05 người, cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng tháng 09/2016, anh Hoàng Ngọc L và vợ là Nguyễn Thị H vào văn phòng Công ty của Phan Đình C tại thành phố H. Chính giới thiệu công ty đang có chương trình đưa lao động Việt Nam xuất khẩu lao động sang HQ hợp tác giữa Bộ Lao động Thương binh - Xã hội Việt Nam và Bộ lao động HQ. Chính đảm bảo sẽ đưa lao động qua HQ với giá 16.000 USD. Ngày 24/10/2016 ông Hoàng Ngọc L đã đặt cọc số tiền 55.000.000 đồng để C làm thủ tục đưa con trai là Hoàng Ngọc H xuất khẩu lao động sang HQ. Chị H đã chuyển khoản cho C thêm 16.000.000 đồng để lo thủ tục. Ngày 26/12/2016 C đã viết giấy cam kết nhận đủ số tiền cọc 71.000.000 đồng, hẹn anh H sẽ được xuất khẩu lao động trước tháng 4/2017. Đến tháng 6/2017 Chính bố trí H đi thi ở Đà Nẵng nhưng kết quả H không có tên trong danh sách và chiếm đoạt số tiền 71.000.000 đồng. Anh Hoàng Ngọc L yêu cầu C bồi thường 71.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Khoảng tháng 10/2016, Phan Đình C hứa hẹn với ông Nguyễn Thanh C sẽ làm thủ tục đi xuất khẩu lao động sang nước Cộng hòa Liên bang Đ cho con gái ông C là chị Nguyễn Thị Ngọc H. Ngày 23/11/2016, Chính nhận hồ sơ xuất khẩu lao động cam kết đến ngày 15/01/2017 chị H sẽ được xuất khẩu lao động với tổng chi phí 17.000 USD. Chính viết giấy biên nhận và thực tế nhận số tiền đặt cọc 22.000.000 đồng. Đến hạn Chính tiếp tục hứa hẹn ngày 01/3/2017 sẽ đảm bảo chị Huyền xuất khẩu nhưng không thực hiện và chiếm đoạt số tiền trên sử dụng vào mục đích cá nhân. Anh Nguyễn Thanh C yêu cầu C bồi thường 22.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Khoảng tháng 10/2016, Phan Đình C hứa hẹn với anh Hồ Hữu N đang có đơn hàng xuất khẩu lao động sang nước Cộng hòa S. Ngày 14/11/2016, Chính nhận hồ sơ xuất khẩu lao động, viết giấy biên nhận và làm hợp đồng xuất khẩu lao động sang nước Cộng hòa S cho anh N với giá 18.000 USD, đến ngày 14/5/2017 anh Ni sẽ được xuất cảnh và đã nhận số tiền đặt cọc 1.000 USD (tương đương 22.067.000 đồng). Từ khoảng tháng 12/2016 đến tháng 5/2017 C tiếp tục hứa hẹn, không thực hiện và chiếm đoạt số tiền đặt cọc của anh N. Anh N yêu cầu C trả số tiền 22.067.000 đồng.

Lần thứ 4: Khoảng tháng 11/2016 qua sự giới thiệu của em trai là Hoàng Ngọc L, anh Hoàng Ngọc T nhờ anh L dẫn con trai là Hoàng Ngọc T gặp C tại Văn phòng đại diện Công ty TNHH CVB tại xã LNi, ĐH để làm thủ tục xuất khẩu lao động đi Sin. Ngày 26/12/2016 Chính viết cam kết, biên nhận đặt cọc của T 15.000.000 đồng, hứa hẹn sẽ đưa Th xuất cảnh lao động sang Singapore với chi phí 6.000 USD, thời gian trong tháng 01/2017 nhưng không thực hiện rồi chiếm đoạt số tiền trên tiêu xài mục đích cá nhân. Anh Hoàng Ngọc T yêu cầu C bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

Lần thứ 5: Khoảng tháng 01/2017, anh Lưu Đức T ở huyện BT, tỉnh Quảng Bình được Phan Đình C giới thiệu là giám đốc Công ty có năng lực đưa lao động sang lao động tại một số nước. Tin tưởng vào giới thiệu của C, trong tháng 02/2017 anh T giao cho Nguyễn Thế H - Trưởng Văn phòng đại diện tiền cọc 02 lần 3.000 USD (tương đương 66.637.500 đồng) và viết giấy cam kết làm thủ tục cho con trai anh Toái là Lưu Đức A xuất khẩu lao động sang HQ với tổng chi phí 11.000 USD. H đã đưa 3.000 USD và hồ sơ cho C. Sau khi hứa giúp A thi đạt tiếng H nhưng không thực hiện được, C đã trả lại được số tiền 12.000.000 đồng cho ông T, còn chiếm đoạt 54.637.500 đồng. Anh T yêu cầu C bồi thường tiếp số tiền 54.637.500 đồng.

Sau khi chiếm đoạt số tiền 184.704.500 đồng C bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã ra thông báo truy tìm. Ngày 04/10/2018, Chính bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YT, tỉnh Nghệ An bắt tạm giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" xảy ra tại tỉnh Nghệ An.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ các giấy cam kết, giấy biên nhận, do các bị hại cung cấp đưa vào hồ sơ vụ án. Tại Kết luận giám định số 289 ngày 01/4/2018, số 399 ngày 24/4/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận chữ viết trên tài liệu là giấy cam kết, giấy nhận tiền, giấy biên nhận, dấu đóng trên các bản thu giữ đều do Phan Đình C đại diện Công ty TNHH CVB viết, ký tên, dấu đóng trên các văn bản đó do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKSĐH-KT ngày 09 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố bị cáo Phan Đình C ra trước Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới để xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điểm e, Khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã phát biểu lời luận tội, chứng minh và phân tích tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo Phan Đình C theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự khi áp dụng hình phạt. Đề nghị HĐXX:

Áp dụng Điểm e, Khoản 2 Điều 139; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Tiết 1 Điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Phan Đình C từ 04 – 05 năm tù.

* Trách nhiệm Dân sự:

Tài sản mà bị cáo lừa đảo Chiếm đoạt tài sản của các bị hại bị cáo chưa hoàn trả nay các bị hại yêu cầu bồi thường. Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc Phan Đình C bồi thường thiệt hại số tiền cho các bị hại cụ thể: Bồi thường cho anh Hoàng Ngọc L 71.000.000 đồng, Nguyễn Thanh C 22.000.000 đồng, Hồ Hữu N 22.067.000 đồng, Hoàng Ngọc T 15.000.000 đồng, Lưu Đức T 54.637.500 đồng.

- *Án phí Hình sự, án phí Dân sự sơ thẩm:* Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mục I , II danh mục án phí, lệ phí Toà án: Bị cáo Phan Đình C phải chịu theo quy định Pháp luật.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Phan Đình C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đồng Hới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Đồng Hới, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Phan Đình C khai nhận thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, quá trình diễn biến phạm tội. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Từ tháng 10/2016 đến tháng 02/2017 tại địa bàn thành phố H, Phan Đình C với thủ đoạn giả thành lập văn phòng đại diện của công ty tại Quảng Bình, đưa ra những thông tin gian dối về việc có khả năng đưa người đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài để lừa đảo chiếm đoạt của 05 người với số tiền 184.704.500 đồng. Vì vậy, Phan Đình Ch phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến công việc của bị hại, làm mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố H, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo C là người trưởng thành, có trình độ nhận thức về xã hội, có sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân và chăm lo cho gia đình. Nhưng với bản tính thích hưởng lợi từ sức lao động của người khác mà không cần phải làm việc. Nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp hậu quả. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, gây dư luận xấu trong nhân dân, đòi hỏi phải có hình phạt nghiêm khắc để xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Vì vậy phải xử lý nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo thấy được lỗi lầm mà khắc phục sữa chữa.

Tuy nhiên, khi nghị án HĐXX cũng xem xét cho bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên toà thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy cần áp dụng Điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Phan Đình C.

Trong vụ án có Nguyễn Thế H là trưởng văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV CVB tại tỉnh Quảng Bình. Quá trình hoạt động Hiếu chỉ làm thủ tục, nhận hồ sơ và không biết mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Phan Đình C nên không bị xem xét trách nhiệm Hình sự.

[4] Trách nhiệm Dân sự: Tài sản mà bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại bị cáo chưa hoàn trả nay các bị hại yêu cầu bồi thường. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của các bị hại là hoàn toàn hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc Phan Đình C bồi thường thiệt hại số tiền cho các bị hại cụ thể: Bồi thường cho anh Hoàng Ngọc L 71.000.000 đồng, Nguyễn Thanh C 22.000.000 đồng, Hồ Hữu N 22.067.000 đồng, Hoàng Ngọc T 15.000.000 đồng, Lưu Đức T 54.637.500 đồng.

[5] Án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Bị cáo Phan Đình Chính phải chịu 200.000đ để sung quỹ Nhà Nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Đình C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về Điều luật áp dụng: Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 139; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Tiết 1 Điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 33; Bộ luật Hình sự năm 1999:

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phan Đình C 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Trách nhiệm Dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc Phan Đình C bồi thường thiệt hại số tiền cho các bị hại cụ thể:

Bồi thường cho anh Hoàng Ngọc L 71.000.000 đồng, Nguyễn Thanh C 22.000.000 đồng, Hồ Hữu N 22.067.000 đồng, Hoàng Ngọc T 15.000.000 đồng, Lưu Đức T 54.637.500 đồng. Tổng cộng bị cáo Phan Đình C phải bồi thường cho các bị hại là: 184.704.500 đồng.

5. Án phí Hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Bị cáo Phan Đình C phải chịu nộp 200.000đ để sung quỹ Nhà Nước.

Án phí Dân sự sơ thẩm bị cáo Phan Đình C phải nộp là: 9.235.225 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015).

Trong trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/4/2019). Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND tỉnh.
- VKSND thành phố Đồng Hới.
- Công an thành phố Đồng Hới.
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới.
- THA phạt tù.
- Người tham gia tố tụng.
- Lư hồ sơ.
- Lưu án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ